

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603000168 ngày 3 tháng 5 năm 2006.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các lần sửa đổi sau đó do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Tấn Nam	Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên
Ông Choo Yan Ho	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Tấn Nam	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Niên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Khang	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Huỳnh Tấn Nam	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Trụ sở chính

166-170 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc

Tỉnh Phú Yên, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Pymepharco (“Công ty”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2010. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Những vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 30 tháng 3 năm 2009 đưa ra ý kiến không chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó. Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số sai sót trọng yếu bằng cách trình bày lại các số liệu so sánh của năm trước được thể hiện trên báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày trong Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính năm nay.

Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Tổng Giám đốc

Quách Thành Châu
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2488
Ngày 30 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng (Trình bày lại)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		492.999.112	420.083.667
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	4.308.848	2.608.609
111	Tiền		4.308.848	2.608.609
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		30.000	-
121	Đầu tư ngắn hạn		30.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		245.429.809	206.995.295
131	Phải thu khách hàng	5	241.512.165	202.565.518
132	Trả trước cho người bán		4.704.093	3.292.308
135	Các khoản phải thu khác	6	2.043.271	1.137.469
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(2.829.720)	-
140	Hàng tồn kho	7	221.927.314	191.034.585
141	Hàng tồn kho		222.703.133	191.034.585
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(775.819)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		21.303.141	19.445.178
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		7.075.160	7.130.523
152	Thuế GTGT được khấu trừ		4.231.154	3.429.542
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	9.996.827	8.885.113
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		231.595.980	224.520.438
220	Tài sản cố định		226.945.336	221.598.622
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	184.481.931	182.132.522
222	Nguyên giá		237.931.115	214.465.508
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(53.449.184)	(32.332.986)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	33.576.741	33.845.449
228	Nguyên giá		35.113.676	35.036.676
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.536.935)	(1.191.227)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	8.886.664	5.620.651
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	2.191.400	522.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết		472.000	472.000
258	Đầu tư dài hạn khác		1.719.400	50.000
260	Tài sản dài hạn khác		2.459.244	2.399.816
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	1.123.604	1.298.908
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	1.232.775	942.749
268	Tài sản dài hạn khác		102.865	158.159
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		724.595.092	644.604.105

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2009 1.000 đồng	2008 1.000 đồng (Trình bày lại)
300	NỢ PHẢI TRẢ		460.283.366	406.147.138
310	Nợ ngắn hạn		377.994.982	312.158.472
311	Vay và nợ ngắn hạn	12(a)	224.404.140	138.204.975
312	Phải trả người bán	13	110.121.735	142.309.097
313	Người mua trả tiền trước		3.236.196	4.173.578
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	14.048.975	3.628.784
315	Phải trả người lao động		-	1.298.698
316	Chi phí phải trả	15	10.073.443	11.838.245
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	16.110.493	10.705.095
330	Nợ dài hạn		82.288.384	93.988.666
333	Phải trả dài hạn khác		320.680	300.579
334	Vay và nợ dài hạn	12(b)	79.684.722	91.809.998
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.282.982	1.878.089
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		264.311.726	238.456.967
410	Vốn chủ sở hữu		264.311.726	238.456.967
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18	85.000.000	85.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	150.089.185	150.089.185
417	Quỹ đầu tư phát triển	19	11.436.669	8.671.944
418	Quỹ dự phòng tài chính	19	486.232	486.232
421	Quỹ phúc lợi và khen thưởng	19	4.646.168	2.153.125
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	19	12.653.472	(7.943.519)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		724.595.092	644.604.105

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 2.309 đô la Mỹ (2008: 2.684 đô la Mỹ).

Nguyễn Ngọc Tùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Mẫu số B 02 - DN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2009 1.000 đồng	31.12.2008 1.000 đồng (Trình bày lại)
01	Doanh thu bán hàng	687.262.302	440.974.797
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.559.180)	(5.310.973)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	21(a) 681.703.122	435.663.824
11	Giá vốn hàng bán	22 (448.384.596)	(290.253.518)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	233.318.526	145.410.306
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21(b) 10.763.630	4.299.518
22	Chi phí tài chính	23 (35.287.803)	(35.307.933)
24	Chi phí bán hàng	24 (128.786.246)	(95.191.296)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 (20.931.958)	(13.626.980)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	59.076.149	5.583.615
40	Thu nhập khác	426.294	299.966
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59.502.443	5.883.581
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26 (12.416.028)	(2.153.975)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17 290.026	942.749
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	47.376.441	4.672.355
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20 5.574	1.328

Nguyễn Ngọc Tùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2009 1.000 đồng	31.12.2008 1.000 đồng (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	59.502.443	5.883.581
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	21.461.906	10.014.508
03	Các khoản dự phòng	3.605.539	-
04	Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	23 6.202.931	(683.528)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	-	(15.300)
06	Chi phí lãi vay	23 28.968.868	35.134.499
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	119.741.687	50.333.760
09	Tăng các khoản phải thu	(43.862.452)	(108.921.749)
10	Tăng hàng tồn kho	(31.668.548)	(72.512.283)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(45.824.714)	10.324.179
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	230.667	(7.210.382)
13	Tiền lãi vay đã trả	(29.442.174)	(34.661.193)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.277.590)	(1.155.924)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	55.294	400
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(590.976)	(622.447)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(34.638.806)	(164.425.639)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(18.181.191)	(15.702.875)
24	Tiền bán lại các trái phiếu chính phủ	20.000	30.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.419.400)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	100.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(19.580.591)	(15.572.875)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	190.498.425
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	532.665.898	424.521.137
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(460.200.911)	(428.950.681)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(16.545.351)	(4.923.352)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	55.919.636	181.145.529
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.700.239	1.147.015
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 2.608.609	1.461.095
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	499
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 4.308.848	2.608.609

Nguyễn Ngọc Tùng
Kế toán trưởng

Huỳnh Tấn Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2010